

Bản án số: 20/2023/KDTM-ST
Ngày: 27/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Tâm và ông Lê Văn Tập

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST- KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-KDTM ngày 08/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C

Địa chỉ trụ sở: Lô A -5E-CN, khu công nghiệp M, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee S – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 166 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K

Địa chỉ trụ sở: Lô CN7, cụm công nghiệp T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1971 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. (vắng

mặt).

2. Ông Trần Viết L, sinh năm 1965 – Chức vụ: Tổng Giám đốc. (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Lương Đức T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 05-10 khu dân cư N, xã A, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang T trình bày:

Ngày 02/01/2019, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (Sau đây gọi tắt là Công ty C) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu K (nay là Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu K, sau đây gọi tắt là Công ty K) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 1210119/CK-HĐMB. Theo đó hai bên thống nhất về việc Công ty C sẽ cung cấp cho Công ty K một số mặt hàng sơn và chất dung môi. Hai bên cũng thống nhất về giá cả của các chủng loại hàng hóa mà Công ty TNHH C sẽ cung cấp. Cũng theo thỏa thuận này, sau mỗi đơn hàng, Công ty K có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho Công ty C trong vòng 02 tháng sau khi đã nhận đủ hàng và hóa đơn tài chính.

Thực hiện hợp đồng nguyên tắc trên, sau khi ký hợp đồng cho đến tháng 06 năm 2019, Công ty C đã nhiều lần giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty K. Cụ thể như sau:

Ngày 11/3/2019 sơn các loại 5120 thành tiền 127.922.894 đồng, hóa đơn VAT 0005120.

Ngày 16/3/2019 sơn các loại 5129 thành tiền 184.951.151 đồng, hóa đơn VAT 0005219.

Ngày 05/4/2019 sơn các loại 5509 thành tiền 11.713.900 đồng, hóa đơn VAT 0005509.

Ngày 10/4/2019 sơn các loại 5578 thành tiền 17.570.850 đồng, hóa đơn VAT 0005578.

Ngày 03/5/2019 sơn các loại 5851 thành tiền 13.068.000 đồng, hóa đơn VAT 0005851.

Ngày 08/6/2019 sơn các loại 6369 thành tiền 144.147.080 đồng, hóa đơn VAT 0006369.

Tổng phát sinh nợ là 499.373.875 đồng.

Mặc dù Công ty C đã giao hàng và xuất hóa đơn VAT đầy đủ nhưng phía Công ty K đã không thanh toán tiền hàng cho Công ty C theo như thỏa thuận.

Tính đến ngày 08/6/2019, Công ty K còn nợ Công ty C số tiền mua hàng là 499.373.875 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu, thì năm 2020 Công ty K đã thanh toán cho Công ty C 03 đợt với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 22/01/2020 trả 100.000.000 đồng.

Ngày 21/5/2020 trả 80.000.000 đồng.

Ngày 13/8/2020 trả 20.000.000 đồng.

Từ đó đến thời điểm khởi kiện, Công ty K không trả cho Công ty C thêm bất kỳ khoản nào mặc dù Công ty C đã yêu cầu rất nhiều lần. Số tiền hàng Công ty K còn nợ Công ty C tính đến ngày 13/8/2020 là 299.373.875 đồng.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm do Công ty K không thanh toán tiền mua hàng đầy đủ, Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ là 299.373.875 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán: Khoản tiền lãi chậm trả sẽ được xác định bằng 10%/năm (tương đương 0,83 %/tháng) tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày 13/02/2023 là $299.373.875 \text{ đồng} \times 30 \text{ tháng} \times 0,83 \% / \text{tháng} = 74.544.095 \text{ đồng}$.

Trong quá trình Tòa án giải quyết cho đến thời điểm ngày 27/9/2023, ông Lương Đức T (Tổng giám đốc Công ty TNHH xuất nhập khẩu K trước đây) đã trả cho Công ty C số tiền là 70.000.000 đồng.

Vì vậy nguyện vọng của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH xuất nhập khẩu K (nay là Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu K) phải trả cho Công ty TNHH C số tiền hàng còn nợ là 229.373.875 đồng.

Công ty TNHH C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2023 ông Lương Đức T trình bày:

Ông Lương Đức T xác nhận trước đây có mua một số mặt hàng là sơn và chất dung môi của Công ty TNHH C để sơn, hàng xuất khẩu với tổng số tiền 499.373.875 đồng và có trả cho Công ty TNHH C làm 03 đợt tổng cộng là 200.000.000 đồng. Vì hoàn cảnh lúc đó dịch bệnh bùng phát nên ông không xuất hàng đi được lỗ rất nhiều nên ông đã bán Công ty để trả nợ cho Ngân hàng. Nay ông cũng xác nhận còn nợ Công ty TNHH C số tiền 299.373.875 đồng nhưng xin trả thành nhiều lần vì hoàn cảnh hiện tại của ông rất khó khăn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

- Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền còn nợ là 229.373.875 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả là 74.544.095 đồng.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty TNHH C khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K phải thanh toán số tiền nợ gốc là 299.373.875 đồng theo Hợp đồng nguyên tắc phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có bản tự khai tại Tòa án. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt họ.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả là 74.544.095 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, do vậy Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 1210119/CK-HĐMB ngày 02/01/2019 thì hai bên thống nhất về việc Công ty TNHH C sẽ cung cấp cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K một số mặt hàng sơn và chất dung môi. Theo Hợp đồng trên các bên thỏa thuận về giá của các chủng loại, hàng hóa mà Công ty TNHH C sẽ cung cấp. Và thỏa thuận trong hợp đồng, sau mỗi đơn hàng, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH C trong vòng 02 tháng sau khi đã nhận đủ hàng và hóa đơn tài chính.

Thực hiện hợp đồng nguyên tắc trên, sau khi ký hợp đồng đến tháng 06 năm 2019, Công ty TNHH C đã nhiều lần giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K với tổng số tiền là 499.373.875 đồng. Công ty TNHH C đã giao hàng đầy đủ và xuất hóa đơn VAT. Đến năm 2020 Công ty cổ phần xuất nhập

khẩu K đã thanh toán cho Công ty TNHH C 03 đợt với tổng số tiền là 200.000.000 đồng từ đó đến nay Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K không thanh toán tiền hàng còn nợ cho Công ty TNHH C theo như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán, vì vậy Công ty TNHH C khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K có nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng còn nợ là có căn cứ nên cần xem xét chấp nhận.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng thừa nhận hai bên có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau với tổng số tiền là 499.373.875 đồng, sau đó bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 03 đợt với tổng số tiền 200.000.000 đồng. Hiện nay phía bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 299.373.875 đồng nhưng do điều kiện hiện đang khó khăn nên xin trả dần số tiền trên làm nhiều đợt. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận đến ngày 27/9/2023 bị đơn đã trả cho nguyên đơn được tổng số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn 229.373.875 đồng tiền gốc, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên là có căn cứ. Do vậy cần buộc bị đơn Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K trả cho Công ty TNHH C số tiền hàng còn nợ là 229.373.875 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Điều 50; Điều 55 Luật Thương mại năm 2005; Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền hàng còn nợ là 229.373.875 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C về việc yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K trả tiền lãi chậm trả là 74.544.095

đồng.

Về án phí: Nguyên đơn Công ty TNHH C không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.348.000 đồng do bà Trần Thị Ngọc T nộp thay theo biên lai số AA/2022/0000093 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn Công ty cổ phần xuất nhập khẩu K phải chịu 11.468.693 đồng (Mười một triệu, bốn trăm sáu mươi tám ngàn, sáu trăm chín mươi ba đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

